TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-ST
Ngày: 29/5/2020
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Tôn Nữ Quỳnh Tương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Trong 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (Số 60 Nguyễn Huệ - thành phố Huế) mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2019/TLST- KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 3 năm 2020; Thông báo hoãn phiên tòa số 57/TB-TA ngày 31/3/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 67/TB-TA ngày 17/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-KDTM ngày 08/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số 2C đường Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Ông Vũ Quang L ủy quyền cho ông Nguyễn Phước Ái L- Phó giám đốc ngân hàng S Chi nhánh Huế ký đơn khởi kiện (Văn bản ủy quyền số 413/GUQ-SGB ngày 10/9/2018); ông L ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lê Văn K (Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-SGB-CN HUE ngày 25/11/2018); ông Vũ Quang Lủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lê Quan Minh Đ – Quyền giám đốc ngân hàng S Chi nhánh Huế (Văn bản ủy quyền số 461/GUQ-SGB ngày 18/9/2019); ông Đức ủy quyền lại cho các ông Lê Văn V và ông Ngô Tiến T – Nhân viên phục vụ công tác thu hồi nợ Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh Huế (Văn bản ủy quyền số 04/GUQ-CN-HUE ngày 22/10/2019); ông Lê Văn V có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H; sinh năm 1974; địa chỉ: Số 01 đường L, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu Hsinh năm 1970; địa chỉ: Số 28 đường L, phường Phú Nhuận, thành phố Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là S) trình bày:

Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Huế và bà Nguyễn Thị Thu H đã ký kết 03 Hợp đồng tín dụng sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số 602/2013/HĐTD-NH-CN ngày 01/8/2013, bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 2.760.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 14%/năm và được điều chỉnh 06 tháng một lần, lãi phạt chậm trả đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra có quy định lãi phạt chậm trả đối với phần nợ lãi vốn vay và phạt trả trước hạn (tại mục 3.2.1, mục 3.2.2 và mục 3.2.3 tại hợp đồng). Kèm theo hợp đồng này là giấy nhận nợ số 01/2013/GNN-CN ngày 01/8/2013.

(2) Hợp đồng tín dụng số 684/2013/HĐTD-NH-DN ngày 19/9/2013, bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 200.000.000đồng; mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 14%/năm và được điều chỉnh 06 tháng một lần, lãi phạt chậm trả đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra có quy định lãi phạt chậm trả đối với phần nợ lãi vốn vay và phạt trả trước hạn (tại mục 3.2.1, mục 3.2.2 và mục 3.2.3 tại hợp đồng). Kèm theo hợp đồng này là giấy nhận nợ số 01/2013/GNN-CN ngày 19/9/2013.

(3) Hợp đồng tín dụng số 707/2013/HĐTD-NH-CN ngày 20/9/2013, bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 1.000.000.000đồng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 14%/năm và được điều chỉnh 06 tháng một lần, lãi phạt chậm trả đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra có quy định lãi phạt chậm trả đối với phần nợ lãi vốn vay và phạt trả trước hạn (tại mục 3.2.1, mục 3.2.2 và mục 3.2.3 tại hợp đồng). Kèm theo hợp đồng này là giấy nhận nợ số 01/2013/GNN-CN ngày 20/9/2013.

Tổng cộng số tiền bà Nguyễn Thị Thu H đã vay của S tại 03 hợp đồng tín dụng trên là 3.960.000.000đồng (Ba tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng).

Tài sản đảm bảo để vay số tiền trên là quyền sử dụng đất tại thôn Kim Sơn, xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 298385, hồ sơ gốc số 00004 do UBND thị xã Hương Thủy cấp ngày 10/01/2012. Tài sản trên được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu H tại Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Huế theo các Hợp đồng thế chấp số 07/HĐBĐ-2012 ngày 11/01/2012, Hợp đồng thế chấp bổ sung số 11/HĐBĐ-2012 ngày 17/01/2012, Hợp đồng thế chấp bổ sung số 143/HĐBĐ-2012 ngày 28/9/2012, được lập và công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thực hiện hợp đồng, S đã giải ngân toàn bộ số tiền của 3 hợp đồng là 3.960.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị Thu H. Tuy nhiên, kể từ tháng 4/2014 đến nay bà H không thanh toán, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng như đã cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở thông qua các thông báo nợ quá hạn, thư mời làm việc và biên bản làm việc để yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả nợ cho ngân hàng nhưng bà H vẫn không trả. Vì vậy, S đã khởi kiện ra Tòa án.

Tính đến ngày 29/5/2020, bà Nguyễn Thị Thu H còn nợ Saigonbank tổng số tiền 7.382.199.978 đồng. Trong đó nợ gốc 3.500.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 2.687.911.596đồng, nợ lãi quá hạn 1.194.288.382đồng.

Tại phiên tòa, S đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ trên cho ngân hàng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/5/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất đã ký kết trong các hợp đồng tín dụng. Trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho S thì đề nghị Tòa án tuyên S có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với nợ gốc, nợ lãi trong hạn, quá hạn và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng thế chấp đã được ký kết giữa các bên.

Về việc thẩm định tài sản thế chấp: S có đơn đề nghị không thẩm định tài sản, mọi phát sinh sau này mà có liên quan đến việc không thẩm định tài sản thì nguyên đơn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày tại bản tự khai ngày 14/10/2019: Bà có vay nợ của S tổng số tiền là 3.960.000.000đồng. Cụ thể Hợp đồng tín dụng số 602/2013/HĐTD-NH-DN ngày 01/8/2013, vay số tiền 2.760.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 707/2013/HĐTD-NH-DN ngày 20/9/2013 vay số tiền 1.000.000.000đồng; Hợp đồng tín dụng số 684/2013/HĐTD-NH-DN ngày 19/9/2013, vay số tiền 200.000.000đồng. Tài sản đảm bảo để vay số tiền trên là quyền sử dụng đất tại thôn Kim Sơn, xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đúng tên bà Nguyễn Thị Thu H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 298385, hồ sơ gốc số 00004 do UBND thị xã Hương Thủy cấp ngày 10/01/2012 theo các Hợp đồng thế chấp số 07/HĐBĐ-2012 ngày 11/01/2012, Hợp đồng thế chấp bổ sung số 11/HĐBĐ-2012 ngày 17/01/2012, Hợp đồng thế chấp bổ sung số 143/HĐBĐ-2012 ngày 28/9/2012, các hợp đồng thế chấp được lập và công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế. Tính đến ngày 22/02/2019, bà Nguyễn Thị Thu H còn nợ Saigonbank tổng số tiền 6.566.085.855 đồng. Trong đó nợ gốc 3.500.000.000đồng, nợ lãi 3.066.085.855đồng,

Bà đồng ý trả các khoản nợ trên và số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bà trả không hết các khoản nợ trên thì đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp giữa các bên để nguyên đơn thu hồi nợ

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H trong quá trình giải quyết vụ án đã không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, ngày

20/02/2019 bà đã gửi đơn theo đường bưu chính đến Tòa án để xin kéo dài thời gian tham gia vụ án với nội dung: Bà thường trú tại 28 L, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án. Tuy nhiên, do hiện tại điều kiện kinh tế khó khăn, kinh doanh thua lỗ, nguồn tiền từ việc bán hàng chưa thu hồi được nên đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng; hiện tại đang cố gắng tập trung nguồn lực, thu xếp thời gian để thu hồi công nợ để thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng nên bà phải thường xuyên đi công tác xa, vì vậy xin được kéo dài thời gian tham gia vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không thể tống đạt được do không có người nhận. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không đến làm việc, do đó Tòa án không lấy được lời khai, cũng như công khai chứng cứ và hòa giải được nên đã đưa vụ án ra xét xử.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Phía nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Phía bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H có đơn xin kéo dài thời gian giải quyết vụ án, nhưng không có lý do chính đáng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227. Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm 29/5/2020 là 7.382.199.978 đồng. Trong đó nợ gốc 3.500.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 2.687.911.596đồng, nợ lãi quá hạn 1.194.288.382đồng; và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/5/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc;

Trường hợp, bà Nguyễn Thị Thu H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết;

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng pháp luật. Bị đơn có địa chỉ tại 01 L, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Xét hiệu lực của các hợp đồng:

Bà Nguyễn Thị Thu H và S đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 602/2013/HĐTD-NH-DN ngày 01/8/2013, số tiền vay là 2.760.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 707/2013/HĐTD-NH-DN ngày 20/9/2013, số tiền vay là 1.000.000.000đồng; Hợp đồng tín dụng số 684/2013/HĐTD-NH-DN ngày 19/9/2013, số tiền vay là 200.000.000đồng; Saigonbank đã giải ngân toàn bộ số tiền vay là 3.960.000.000 đồng theo 03 giấy nhận nợ ngày 01/8/2013; ngày 19/9/2013 và ngày 20/9/2013.

Để đảm bảo khoản tiền vay trên, giữa S và bà Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu H đã ký kết các Hợp đồng thế chấp số 07/HĐBĐ-2012 ngày 10/11/2012, Hợp đồng thế chấp bổ sung số 11/HĐBĐ-2012 ngày 17/01/2012, Hợp đồng thế chấp bổ sung số 143/HĐBĐ-2012 ngày 28/9/2012, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại thôn Kim Sơn, xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đứng tên bà Nguyễn Thị Thu H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 298385, hồ sơ gốc số 00004 do UBND thị xã Hương Thủy cấp ngày 10/01/2012; các hợp đồng thế chấp này được lập, công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế và được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Xét tất cả các hợp đồng này được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức. Do đó, các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật.

- Xét yêu cầu trả tiền gốc và lãi:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Thu H đã trả được 460.000.000 đồng tiền gốc đối với Hợp đồng tín dụng số 602/2013/HĐTD-NH-DN ngày 01/8/2013. Kể từ tháng 8/2014, bà Huế đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, nên S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải trả nợ gốc là 3.500.000.000 đồng là có có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản lãi trong hạn: Theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, lãi suất 14%/năm và được điều chỉnh 06 tháng một lần. Ngày 13/11/2013, S đã điều chỉnh lãi suất 13%/năm; từ ngày 04/7/2014 lãi suất được điều chỉnh 10%/năm là phù hợp với hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó khoản lãi trong hạn đối với cả 03 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/5/2020 là 2.687.911.596đồng là có cơ sở.

Đối với khoản lãi quá hạn: Theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, lãi suất quá hạn được tính 150% lãi suất trong hạn, tính đến ngày 29/5/2020, nợ lãi quá hạn 1.194.288.382đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/5/2020, bà Nguyễn Thị Thu H còn nợ S tổng số tiền là 7.382.199.978 đồng. Trong đó nợ gốc 3.500.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 2.687.911.596đồng, nợ lãi quá hạn 1.194.288.382đồng. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải thanh toán hết toàn bộ số tiền nói trên cho S.

Ngoài ra, kể từ ngày 30/5/2020, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Các hợp đồng thế chấp được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức, hợp đồng, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 11/01/2012. Theo cam kết của bên thế chấp và bên nhận thế chấp tài sản thì bên thế chấp đồng ý dùng tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm với ngân hàng bao gồm nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt quá hạn và các khoản chi phí khác. Tổng dư nợ vay và bảo lãnh của bên vay không vượt quá 3.500.000.000đ. Do đó, trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên cho S thì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07/HĐBĐ-2012 ngày 10/11/2012, Hợp đồng thế chấp bổ sung số 11/HĐBĐ-2012 ngày 17/01/2012 và Hợp đồng thế chấp bổ sung số 143/HĐBĐ-2012 ngày 28/9/2012 được xử lý để thu hồi nợ trong phạm vi bảo đảm đã được ký kết giữa các bên là 3.500.000.000đồng.

[4] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền 7.382.199.978 đồng, tức là: [112.000.000đồng + (3.382.199.978đ x 0.1%)] = 115.382.199 đồng.

- Trả lại cho S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.145.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007640 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 299, 317, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Stổng số tiền 7.382.199.978 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, ba trăm tám hai triệu, một trăm chín mươi chín ngàn chín trăm bảy tám đồng*), trong đó gồm 3.500.000.000đồng nợ gốc, 2.687.911.596 đồng nợ lãi trong hạn, và 1.194.288.382 đồng nợ lãi quá hạn.

Kể từ ngày 30/5/2020, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, thì trước hết Ngân hàng có quyền yêu cầu người bảo lãnh là bà Nguyễn Thị Thu H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, khi bà H không thực hiện thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 447, tờ bản đồ 9, có diện tích 1865m^2 tại Thôn Kim Sơn, xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 298385 do UBND thị xã Hương Thủy cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H ngày 10/01/2012 tại các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07/HĐBĐ-2012 ngày 10/11/2012, số 11/HĐBĐ-2012 ngày 17/01/2012 và số 143/HĐBĐ-2012 ngày 28/9/2012 để thu hồi nợ trong phạm vi bảo đảm đã được ký kết giữa các bên là 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng).

Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý nhưng không đủ để thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thì bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 115.382.199 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.145.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007640 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ

sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dán án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Mộng Trinh